

Số: 35/2019/QĐST-DS

Chư Prông, ngày 24 tháng 9 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 25/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A

Địa chỉ: 442 N, Phường N, Quận B, Thành Phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T, chức vụ: Tổng Giám Đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Công M, Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh G. (theo quyết định bổ nhiệm nhân sự số 2650/TCQĐ-QLNNL.19 ngày 08/8/2019).

Đại diện theo ủy quyền lại của ông Dương Công M là ông Võ Văn X, chức vụ nhân viên Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh G. (theo văn bản ủy quyền số 38/UQ-GIL.19 ngày 20/8/2019).

Địa chỉ: 61 T, phường S, thành phố K, tỉnh G.

Bị đơn: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện CPr, tỉnh G.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về khoản nợ: Bà Nguyễn Thị H công nhận có nợ và có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ A số tiền gốc là 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) cùng với lãi theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 16/9/2019 là: 386.117.536đ (Ba trăm tám mươi sáu triệu một trăm mười bảy nghìn năm trăm ba mươi sáu đồng).

Tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày 16/9/2019 là: 2.386.117.536đ (Hai tỷ ba trăm tám mươi sáu triệu một trăm mười bảy nghìn năm trăm ba mươi sáu đồng).

2.2. Về thời hạn, phương thức trả tiền:

Về thời hạn thanh toán: Bà Nguyễn Thị H thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A toàn bộ số tiền 2.386.117.536đ (Hai tỷ ba trăm tám mươi sáu triệu một trăm mười bảy nghìn năm trăm ba mươi sáu đồng). trong đó nợ gốc là 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) và lãi theo hợp đồng cho vay đã ký kết tính đến ngày 16/9/2019 là: 386.117.536đ (Ba trăm tám mươi sáu triệu một trăm mười bảy nghìn năm trăm ba mươi sáu đồng) một lần vào ngày 16/10/2019.

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị H vi phạm thời hạn trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý các tài sản đang thế chấp theo hợp đồng thế chấp số GIL.BĐCN.14.071016 được công chứng tại văn phòng công chứng số 1 tỉnh G ngày 12/10/2016 giữa bà Nguyễn Thị H và Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A, chi nhánh G để thu hồi nợ, tài sản thế chấp là:

Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số: 15 tờ bản đồ số 29 tại Thôn T, xã G; huyện CPr, tỉnh G. Diện tích 30.840 m²; Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 8 do UBND huyện CPr, tỉnh Gia Lai cấp ngày 08/8/2014 mang tên Nguyễn Thị H.

Quyền sử dụng đất thửa đất số: 96+98, tờ bản đồ số 28 tại đường 665, xã G; huyện CPr, tỉnh G. Diện tích 1.762 m²; Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 4 do UBND huyện CPr, tỉnh G cấp ngày 19/5/2008 mang tên Nguyễn Thị H.

Quyền sử dụng đất thửa đất số: 00 tờ bản đồ số TĐ tại xã G; huyện CPr, tỉnh G, diện tích 62.548 m²; Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 8 do UBND huyện CPr, tỉnh G cấp ngày 19/5/2008 mang tên Nguyễn Thị H.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 8 do UBND huyện CPr, tỉnh G cấp ngày 08/8/2014; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 4 do UBND huyện CPr, tỉnh Gia Lai cấp ngày 19/5/2008 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 8 do UBND huyện CPr, tỉnh G cấp ngày 19/5/2008 sau khi bà Nguyễn Thị H trả đầy đủ số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng.

2.3. Về chi phí thẩm định: Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí của số tiền 2.386.117.536đ là $\{(72.000.000 + (2.386.117.536đ - 2.000.000.000đ \times 2\%) : 2\}$ là 39.861.175đ (Ba mươi chín triệu tám trăm sáu mươi một nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng).

Bị đơn bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 39.861.175đ (Ba mươi chín triệu tám trăm sáu mươi một nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí trước đây đã nộp là 37.920.710đ (Ba mươi bảy triệu chín trăm hai mươi nghìn bảy trăm mười đồng) theo biên lai thu tiền số 0000187 ngày 20/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CPr, tỉnh G.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Ngô Trung Thực